TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2024/DS-ST
Ngày: 21 - 5 - 2024
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Én

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Lê Duy Bảo Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 799/2023/TLST- DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2024/QĐXXST- DS ngày 26 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 117/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Công ty tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam); địa chỉ: Số 91 đường P, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Lan A; địa chỉ: Phòng 401, tầng 04, Tòa nhà số 793/49/1 đường T, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy ủy quyền ngày 05/9/2023). (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2/ *Bị đơn:* Bà Nguyễn Tuyết H, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 11/4 đường T, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan A trình bày:

Ngày 13/11/2020 giữa Công ty tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam) (sau đây được gọi tắt là Công ty M) và bà Nguyễn Tuyết H có ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 1772666. Theo đó ngày 16/11/2020 Công ty

M đã giải ngân vào tài khoản bà H số tiền vay là 31.650.000 đồng. Theo hợp đồng bà H có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng số tiền như sau: Từ ngày 20/12/2020 đến ngày 20/10/2023 thanh toán 1.823.533 đồng, ngày 20/11/2023 thanh toán 2.751.862 đồng; kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 20/12/2020. Tuy nhiên, từ ngày giải ngân đến ngày 20/7/2022, bà H chỉ thanh toán được 20 kỳ với tổng số tiền 36.501.622 đồng thì ngưng không thanh toán, qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà vẫn không có thiện chí trả nợ. Tính đến ngày 21/5/2024 bà H còn nợ Công ty M tổng số tiền 48.591.697 đồng; trong đó bao gồm nợ gốc 20.681.197 đồng, lãi trong hạn 9.231.193 đồng, lãi quá hạn 17.482.772 đồng, lãi chậm trả 1.196.535 đồng.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên cho Công ty M ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 22/5/2024 theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo; đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Toà án:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng, được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn bà Nguyễn Tuyết H cư trú tại quận Gò Vấp. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn

vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Xét các yêu cầu của nguyên đơn:*

Căn cứ vào lời khai xác nhận của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để khẳng định tính đến ngày 21/5/2024 bị đơn còn nợ Công ty M số tiền gốc là 20.681.197 đồng, mặc dù Công ty M nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không thanh toán nên yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn là có cơ sở.

Theo Hợp đồng tín dụng đã ký, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty M nợ gốc và lãi trong hạn nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 20/8/2022 Công ty M chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của bị đơn sang nợ quá hạn, tính lãi suất nợ quá hạn và lãi chậm trả theo quy định tại mục 8.3 Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng ngày 11/11/2020; đồng thời yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/5/2024 là có cơ sở; Tính đến ngày 21/5/2024 bị đơn còn nợ lãi trong hạn 9.231.193 đồng, lãi quá hạn 17.482.772 đồng, lãi chậm trả 1.196.535 đồng theo Báo cáo thu hồi nợ vay Hợp đồng tín dụng của Công ty M là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về phía bị đơn mặc dù đã được Tòa tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vụ án.

Xét thấy, việc các bên ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng là hoàn toàn tự nguyện nhưng do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thực hiện đúng như thoả thuận giữa các bên. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 2 Điều 8 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền 48.591.697 đồng; trong đó bao gồm nợ gốc 20.681.197 đồng, lãi trong hạn 9.231.193 đồng, lãi quá hạn 17.482.772 đồng, lãi chậm trả 1.196.535 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 2.429.585 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ các điều 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 8 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Luật án phí, lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Tuyết H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam) tổng số tiền nợ là 48.591.697 đồng ngay khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật; trong đó bao gồm nợ gốc 20.681.197 đồng, nợ lãi trong hạn 9.231.193 đồng, nợ lãi quá hạn 17.482.772 đồng và lãi chậm trả 1.196.535 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Tuyết H phải chịu án phí là 2.429.585 đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 887.268 đồng cho Công ty tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam) theo biên lai thu số AA/2023/0013126 ngày 14/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Gò Vấp.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.GV;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trần Thúy Duyên